

ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Về bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền trên đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Ngọc Vương cùng vợ là bà Kiều Thị Bền thuộc dự án xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập (đoạn đi qua phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của UBND phường)

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi; đơn giá bồi thường, hỗ trợ:

1. Tên chủ sử dụng đất

ông Nguyễn Ngọc Vương; sinh ngày: 15/03/1963; CCCD số: 034063022532 cấp ngày 20/08/2021 cùng vợ là bà Kiều Thị Bền; sinh năm 1960; số CCCD 034160009537  
Địa chỉ thường trú: khu phố Thái Dũng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai.

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai.

Thông báo thu hồi đất số: Căn cứ Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Đồng Phú về việc thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất để làm đường giao thông  
Tờ bản đồ số: TĐ36-2023, Thửa số: 6 (theo bản đồ phục vụ công tác bồi thường, GPMB dự án)

b) Diện tích đất thu hồi: 4860,9 m<sup>2</sup>

c) Loại đất (MĐSD): Đất trồng cây lâu năm

d) Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (CH) 01034/Tân Tiến do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 23/10/2013

Thửa: 45 Tờ bản đồ số: 36

Diện tích thửa đất: 19.815,3 m<sup>2</sup>

3. Đơn giá bồi thường hỗ trợ tài sản gắn liền trên đất:

Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng

Căn cứ theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

Đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng

Căn cứ theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Tiền hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc trên đất:							60.684.513
TT	Tên, loại nhà, công trình	Năm xây dựng	ĐVT (m2, m3, cái...)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Số tiền	Ghi chú
			a	b	c	c = a*b*c	
1	Nhà xây gạch, không giằng móng giằng tường, mái lợp tôn, xà gỗ gỗ, tường bao xây gạch 10cm, có tô trát, quét vôi, nền xi măng, không đóng trần, cửa sắt bịt tôn, cao trên 3m: DT: (3,27m x 5,6m)	T11/2014	18,312	2.520.350	80%	36.922.119	- Giảm 2% đơn giá do không giằng tường - Giảm 3% đơn giá do không giằng móng
2	Bậc tam cấp láng xi măng: (1,1m x 1,4m) + (0,7m x 1,1m)	T11/2014	2,310	409.000	80%	793.624	
3	Chuồng trại xây, tường gạch, mái gói, nền xi măng: (1,4m x 1,3m)	T11/2014	1,820	719.000	80%	1.046.864	

4	Giếng đào sâu 13m, d=1,3m	2010	13,000	947.000	100%	12.311.000	
5	Xây gạch lòng giếng 10m:	2010	10,000	492.000	100%	4.723.200	
6	Sân betong: (1,3m x 0,7m) + (1,9m x 2,68m)	T11/2014	6,002	234.000	80%	1.123.574	
7	Bê nước xây gạch, có tô trát: (1,45m x 0,93m x 1,67m)	T11/2014	2,252	1.752.000	80%	3.156.403	
8	Tường xây 20cm: (3,27m x 2,75m ) - (1,07m x 1,95m)	T11/2014	6,906	110.000	80%	607.728	
<b>2. Bồi thường chi phí di chuyển</b>							<b>10.000.000</b>
<b>3. Tiền khen thưởng:</b> Được chi trả sau khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ GPMB							<b>8.000.000</b>
<b>4. Tổng số tiền (1+2+3):</b> Bảy mươi tám triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, năm trăm mười ba đồng.							<b>78.684.513</b>

